

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/ 2021/ HNGĐ-ST
Ngày 17- 12 -2021
Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Hùng.

2. Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST- HNGĐ ngày 25/10/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Huỳnh Tấn N - sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị T và anh N tự nguyện tìm hiểu rồi đến với nhau. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau vì vậy cuộc sống không hạnh phúc. Từ tháng 01/2021 đến nay đã sống ly thân không còn quan tâm nhau. Chị T xét thấy đã không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh Huỳnh Tấn N.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung tên: Huỳnh Bùi Hạo T1, sinh ngày 22/01/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 09/2021.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2021 bị đơn anh Huỳnh Tấn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N và chị T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào năm 2016. Trong cuộc sống có những bất đồng. Hiện nay anh N và chị T đã sống ly thân. Chị T yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đồng ý như trình bày của chị T. Đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con và anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9/2021.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T với anh Huỳnh Tấn N. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Bùi Hạo T1, sinh ngày 22/01/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Huỳnh Tấn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu Huỳnh Bùi Hạo T1 đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh Huỳnh Tấn N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Huỳnh Tấn N, anh N có nơi cư trú ở xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi,

do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2016, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Anh N, chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa chị T và anh N có những bất đồng nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Chị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và anh N cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Tấn N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Huỳnh Bùi Hạo T1, sinh ngày 22/01/2018. Hiện nay con đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và anh N cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng: chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 9/2021. Anh N đồng ý với yêu cầu của chị T.

Vì vậy: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao con Huỳnh Bùi Hạo T1, sinh ngày 22/01/201 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Huỳnh Tấn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9/2021. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa chị Bùi Thị T và anh Huỳnh Tấn N; về án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Anh Huỳnh Tấn N phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Huỳnh Tấn N.
2. Về con chung:

Giao cháu Huỳnh Bùi Hạo T1, sinh ngày 22/01/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Tấn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ 9/2021.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84, Điều 116 của Luật HNGĐ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001073 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Tấn N phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu